TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DSST
Ngày 06/02/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuyên;

Ông Dương Văn Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh **-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - . Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 155/2023/TLST-DS ngày 16/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu phố X, phường ĐK, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

Bị đơn: **Anh Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn TL, xã VL, huyện Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt bà Th, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Do anh Nguyễn Xuân Đ thường xuyên mua gỗ của gia đình bà nên hai bên quen biết nhau. Đến ngày 24/01/2017 (tức 27/12/2016 âm lịch), anh Đ đến nhà hỏi vay số tiền 40.000.000 đồng, hẹn khoảng 06 tháng sau sẽ trả cả tiền gốc và lãi. Sau đó, anh Đ trực tiếp viết giấy vay tiền ngày 24/01/2017 và ký tên, hai bên thoả thuận miệng lãi suất là 2%/tháng (tương đương 800.000 đồng/tháng). Sau khi vay, anh Đ trả lãi cho bà nhiều lần, tháng thì anh Đ trả 800.000 đồng, tháng lại trả 1.000.000 đồng và có khi 05 tháng mới trả 2.000.000 đồng tiền lãi, tổng số tiền lãi anh Đ trả bà khoảng 12.000.000 đồng, toàn bộ số tiền lãi nêu trên, anh Đ trả bà bằng tiền mặt và hai bên không lập biên bản giao nhận tiền, không có người làm chứng. Kể từ năm 2018 đến nay, bà đã gọi điện thoại, đến nhà anh Đ đòi nhiều lần nhưng anh Đ khất lần, khất lượt (khất mồm) nhưng đều thất hứa, không trả bà một đồng tiền gốc và tiền lãi nào nữa.

Khi vay tiền, anh Đ là người hỏi vay, lấy tiền và cũng là người trả tiền, chị H - vợ anh Đ - có biết anh Đ vay tiền của bà hay không, bà không nắm được. Khi đến nhà đòi tiền anh Đ, bà cũng không gặp vợ anh Đ.

Nay bà yêu cầu anh Nguyễn Xuân Đ phải trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng. Đối với yêu cầu anh Đ trả 20.000.000 đồng tiền lãi, kể từ tháng 01/2019 đến nay, bà xin rút, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Đ phải bàu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

** Tại Biên ản lấy lời khai ngày 03/01/2024, bị đơn là anh Nguyễn Xuân trình bày:* Khoảng năm 2016, anh kinh doanh gỗ, thường xuyên xuống Đồng Kỵ nên quen biết bà Nguyễn Thị Th. Sau đó, anh vay của bà Th số tiền 40.000.000 đồng, anh đã viết giấy vay tiền và hẹn ngày trả cụ thể, giấy vay tiền do bà Th giữ, anh không giữ.

Đối với giấy vay tiền ngày 27/12/2016 (âm lịch) do bà Th xuất trình cho Tòa án, chữ viết trong giấy này không phải do anh viết, anh không nắm được nội dung này nhưng anh xác nhận chữ ký, chữ viết "Nguyễn Xuân Đ" và số điện thoại 0946562653 đúng là chữ ký, chữ viết và số điện thoại của anh.

Đối với khoản vay 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 20%/tháng, nhưng sau đó bà Th nói không lấy tiền lãi nữa nên khoản vay là không lãi. Số tiền này anh vay chi tiêu cá nhân, vợ anh là Nguyễn Thị H không biết, không được chi tiêu số tiền này, anh xác định đây là khoản nợ riêng của anh.

Sau khi vay, anh đã trả cho bà Th nhiều lần bằng tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản của con trai bà Th 3, 4 lần nhưng anh không nhớ thời gian giao dịch, số tài khoản vì thời gian đã lâu và có lần anh nhờ người khác chuyển khoản hộ, số

tiền anh đưa trực tiếp cho bà Th thì anh không làm giấy tờ gì, tổng số tiền anh trả bà Th khoảng 27.000.000 đồng - 28.000.000 đồng, anh chỉ còn nợ bà Th 12.000.000 đồng - 13.000.000 đồng.

Nay bà Th yêu cầu anh phải trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và trả số tiền lãi 10%/năm, kể từ tháng 01/2019 đến nay (05 năm) là 20.000.000 đồng, tổng là 60.000.000 đồng, anh không đồng ý trả số tiền này. Anh chỉ đồng ý trả bà Th số tiền 27.000.000 đồng nợ gốc mặc dù anh còn nợ bà Th khoảng 12.000.000 đồng - 13.000.000 đồng và trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Về thời hiệu khởi kiện, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2012/NQ- HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với anh Nguyễn Xuân Đ. Buộc anh Nguyễn Xuân Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền nợ gốc là: 40.000.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi 20.0000.000 đồng tiền lãi của bà Nguyễn Thị Th.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Đ phải nộp 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.500.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Xuân Đ vay của bà Nguyễn Thị Th số tiền 40.000.000 đồng, hai bên lập giấy vay tiền có chữ ký, chữ

viết của anh Nguyễn Xuân Đ. Do anh Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Xuân Đ phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay tiền ngày 24/01/2017, nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ đăng ký hộ khẩu thường chú và hiện đang cư rú tại: Thôn TL, xã VL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về xác định thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 24/01/2017 do bà Th xuất trình thì các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, lời khai của anh Đ cũng xác định hai bên hẹn ngày trả cụ thể nhưng anh không nhớ ngày. Đồng thời, lời khai của bà Th thể hiện, sau khi vay, anh Đ đã trả cho bà 12.000.000 đồng tiền lãi (lãi 2%/tháng) tương ứng 15 tháng, sau đó anh Đ không trả nợ gốc và lãi cho bà nữa. Như vậy xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn 15 tháng, kể từ ngày 24/01/2017, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 25/4/2018.

Tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".

Tuy nhiên theo điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "Những quy định chung" của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung".

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Quá trinh giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị H - vợ anh Đ - nhưng bà Hạnh không đến Tòa làm việc. Tòa án đã nhiều lần phối hợp với Chính quyền địa phương đến nhà vợ chồng anh Đ để tiến hành tố tụng, ghi lời khai của bà Hạnh nhưng bà Hạnh đều vắng nhà. Căn cứ lời khai của bà Th, anh Đ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn Thị H không tham gia vay tiền, không biết và không sử dụng số tiền vay nên xác định đây là khoản nợ riên của anh Đ. Vì vậy Tòa án không đưa bà Hạnh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nợ gốc:

Xét yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc của bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của anh Đ cho rằng anh vay bà Th 40.000.000 đồng và trực tiếp viết giấy vay tiền, hẹn ngày trả cụ thể, giấy này do bà Th giữ, anh không giữ. Đối với Giấy vay tiền ngày 24/01/2017 (tức 27/12/2016 âm lịch) không phải do anh viết, nội dung trong giấy anh không nắm được nhưng ngoài lời khai, anh Đ không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Đồng thời anh xác nhận chữ ký, chữ viết "Nguyễn Xuân Đ" được viết dưới nội dung vay tiền trong Giấy vay tiền do bà Th xuất trình đúng là chữ ký, chữ viết của anh. Vì vậy việc bà Th và anh Đ xác lập Hợp đồng vay tiền theo Giấy vay tiền ngày 24/01/2017 là sự thực, các thỏa thuận trong hợp đồng đều tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ cho rằng đã trả cho bà Th khoảng 27.000.000 đồng đến 28.000.000 đồng nợ gốc bằng tiền mặt và chuyển khoản cho con trai bà Th nhưng anh không nhớ thời gian giao dịch, số tài khoản, hai bên cũng không lập giấy tờ gì và anh Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về vấn đề này. Đồng thời con trai bà Th là anh Vũ Văn L khẳng định chưa bao giờ nhận tiền chuyển khoản từ anh Đ, việc vay nợ, trả nợ giữa bà Th và anh Đ thế nào, anh L không nắm được. Mặt khác, bà Th chỉ xác nhận anh Đ đã trả cho bà 15 tháng tiền lãi, tính đến ngày 24/4/2018 là 12.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, do đó không có căn cứ để chấp nhận lời khai của anh Đ.

Đối với chị Nguyễn Thị H: Như đã phân tích nêu trên, hợp đồng vay tài sản giữa bà Th và anh Đ được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của anh Đ, bà Hạnh, nhưng bà Hạnh không tham gia ký hợp đồng và anh Đ cũng không nói cho bà Hạnh biết và không sử dụng số tiền vay cho mục đích chung của gia đình. Do đó không có căn cứ để xác định khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng anh Đ, bà Hạnh, mà xác định đây là khoản nợ riêng của anh Đ đối với bà Th. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc anh Đ phải trả cho bà Th số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với số tiền lãi các bên đã thanh toán đến ngày 24/4/2018:

Theo Giấy vay tiền ngày 24/01/2017 thì bà Th và anh Đ không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên bà Th xác định hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng và anh Đ đã trả cho bà tổng số tiền lãi là 12.000.000 đồng. Anh Đ xác nhận hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng nhưng sau đó, bà Th nói không lấy tiền lãi nữa nên khoản vay này là vay không có lãi nên anh không đồng ý trả lãi cho bà Th. Tuy nhiên, bà Th không thừa nhận nội dụng này và anh Đ cũng không có tài liệu, chứng cư chứng minh nên có đủ cơ sở xác đinh khoản vay này là khoản vay có thời hạn 15 tháng (như đã phân tích tại mục [1.2]), lãi suất 2%/tháng và lãi trong hạn được xác định là 15 tháng, kể từ ngày 24/01/2017 đến ngày 24/4/2018.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Như vậy, mức lãi suất 2%/tháng mà bà Th, anh Đ đã thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật, số tiền lãi trong hạn là: 40.000.000 đồng x 15 tháng x 2%/tháng = 12.000.000 đồng, bà Th xác nhận anh Đ đã thanh toán xong số tiền 12.000.000 đồng nên ghi nhận.

[2.3] Về yêu cầu đòi 20.000.000 đồng tiền lãi của bà Th: Quá trình giải quyết vụ án, bà Th yêu cầu anh Đ phải trả số tiền lãi kể từ tháng 01/2019 đến ngày xét xử là 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Th rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 143, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Xuân Đ phải bàu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Th được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 143, 147, 228, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "Những quy định chung" của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2, 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với anh Nguyễn Xuân Đ. Buộc anh Nguyễn Xuân Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền nợ gốc là: 40.000.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi 20.000.000 đồng tiền lãi của bà Nguyễn Thị Th.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Đ phải nộp 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị Th 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0006462 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THA. huyện Sóc Sơn;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng